

Số: /QĐ-QLĐT

Biên Hòa, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Phòng Quản lý đô thị thành phố Biên Hòa (lần 3).

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thành phố (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc sửa đổi phụ lục bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị thành phố (đợt 2) đơn vị: Phòng Quản lý đô thị kèm theo Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố Biên Hòa;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 (lần 3) của Phòng Quản lý đô thị thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - kế hoạch;
- Như điều 3;
- Lưu: VT; Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Phú

Đơn vị: **PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**
Chương: 619

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-QLĐT ngày/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính	0
2	Chi các sự nghiệp	899.644.000
2.1	Sự nghiệp môi trường	0
2.2	Sự nghiệp thị chính	0
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
2.3	Sự nghiệp giao thông	899.644.000
	Kinh phí sửa chữa định kỳ cầu, đường....	899.644.000
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0